

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2023/HS-ST
Ngày 22-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Ngọc Ứng;
2. Ông Lê Thành Trung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Long Hồ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2023/TLST-HS, ngày 19 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần Văn M (tên gọi khác: M W), sinh ngày 26/6/1989 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 1, phường E, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 03/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; con ông Trần Văn W, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Q, sinh năm 1954; Gia đình có 02 chị, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 27/02/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 20/7/2021; Nhân thân: Ngày 06/4/2007, bị Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 17/4/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã R (nay là Tòa án nhân dân thành phố R), tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm về tội “Trộm cắp tài sản”; Tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Trần Văn N, sinh năm 1968 (có đơn xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp U, xã C, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Nguyễn I, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm F, phường E, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng*:

1. Trần L, sinh năm 1983 (vắng mặt);

2. Phạm P, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp U, xã C, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trần Văn W, sinh năm 1953 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm 2, phường E, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn M có 01 (một) tiền án về tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản, chưa xóa án tích nhưng do muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên M tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

Vào khoảng 11 giờ, ngày 02/7/2023, Trần Văn M điều khiển xe mô tô loại Wave, màu trắng, không rõ biển số chở Nguyễn I, sinh ngày 01/01/1995 ngụ khóm F, phường E đến xã C, thành phố R để tìm tài sản lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Khi đến trại nuôi cá của ông Trần Văn N, sinh năm 1968, ngụ ấp Tân Hòa Trung, xã C, thành phố R, M quan sát không thấy người trông coi nên dừng xe lại, đi vào bên trong trại lục soát lấy trộm 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung rồi đi ra xe, đưa điện thoại cho S xem. Sau đó M điều khiển chở S đến khóm 2, phường E, thành phố R bán điện thoại cho một người phụ nữ, không rõ họ tên với giá 500.000 đồng, M chia cho S 200.000 đồng.

Sau khi bị mất trộm tài sản, ông Trần Văn N đến Công an xã C, thành phố R trình báo sự việc. Cơ quan Công an mời Trần Văn M, Nguyễn I làm việc thì M, S đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của ông Trần Văn N.

- Vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, mặt trước là màn hình cảm ứng, mặt sau bằng kim loại màu vàng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số: 24/KL-HĐĐG, ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự hành phố R, kết luận:

01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, mặt trước là màn hình cảm ứng, mặt sau bằng kim loại màu vàng, đã qua sử dụng là 1.600.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả cho bị hại Trần Văn N 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, mặt trước là màn hình cảm ứng, mặt sau bằng kim loại màu vàng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu dân sự đối với bị cáo.

Tại cơ quan điều tra, Trần Văn M đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện.

Tại bản cáo trạng số: 60/CT-VKSTPHN, ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Trần Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo Trần Văn M đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn M về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn M từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo sống bằng nghề làm thuê, không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với việc Nguyễn I cùng bị cáo M thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Qua điều tra, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.600.000 đồng, nhân thân S chưa có tiền sự, tiền án liên quan đến hành vi chiếm đoạt nên không đủ định lượng và định tính để xử lý Nguyễn I về tội “Trộm cắp tài sản”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R đã chuyển Công an thành phố R xem xét xử lý hành chính theo quy định nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Đối với người phụ nữ, không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể mua điện thoại của bị cáo M. Do không rõ họ tên nên chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bị hại Trần Văn N 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, mặt trước là màn hình cảm ứng, mặt sau bằng kim loại màu

vàng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Tuy nhiên, đối với số tiền 500.000 đồng mà bị cáo M bán điện thoại, bị cáo đưa cho Nguyễn I 200.000 đồng, bị cáo giữ lại và tiêu xài cá nhân hết 300.000 đồng. Xét thấy, số tiền này là nguồn thu lợi bất chính nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo và Nguyễn I pN nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đồng ý nộp lại số tiền 300.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Bị cáo thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo đang có 1 tiền án về tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản, vừa chấp hành xong hình phạt vào ngày 20/7/2021, chưa được xóa án tích. Do không có nghề nghiệp ổn định, nhưng lại muốn nhanh có tiền để tiêu xài cá nhân mà bị cáo lại tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Cụ thể, khoảng 11 giờ, ngày 02/7/2023, bị cáo điều khiển xe mô tô loại Wave, màu trắng (không rõ biển số) chở theo Nguyễn I đến địa

bàn xã C trộm tài sản là điện thoại di động của ông Trần Văn N bán với giá 500.000 đồng, nhằm mục đích để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 24/KL-HĐĐG, ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản thì giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 1.600.000 đồng.

Căn cứ vào lời thừa nhận của bị cáo; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Trần Văn M đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...

a) ...;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 209 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.”

Hành vi tội phạm mà bị cáo gây ra đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hiện nay tình hình trộm cắp trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố R nói riêng xảy ra ngày càng nhiều với thủ đoạn hết sức tinh vi. Nhằm để ổn định trật tự trị an ở địa phương, góp phần vào công cuộc phòng, chống và ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy pN xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt tù về các tội liên quan đến quyền sở hữu. Đáng ra, trong thời gian chấp hành án, bị cáo pN biết suy ngẫm lại hành vi sai trái của mình, ăn năn hối cải, ra sức lao động để tìm cho mình một việc làm hợp pháp để có thu nhập chính đáng từ công sức lao động của mình, nhưng bị cáo không làm được điều đó mà ngược lại sau mỗi lần chấp hành án xong, không chí thú làm ăn nhưng lại muốn nhanh có tiền tiêu xài, bị cáo đã tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi tội phạm của bị cáo thể hiện sự thiếu ý thức trong tu dưỡng rèn luyện

nhân cách, thể hiện bản chất xem thường pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, pN xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như bị cáo.

[6] Đối với việc Nguyễn I cùng bị cáo M thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Qua điều tra, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.600.000 đồng, nhân thân S chưa có tiền sự, tiền án liên quan đến hành vi chiếm đoạt nên không đủ căn cứ để xử lý S về tội “Trộm cắp tài sản”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R đã chuyển Công an thành phố R xem xét xử lý hành chính theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[7] Đối với người phụ nữ mua điện thoại của bị cáo M. Do không rõ họ tên nên chưa làm việc được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[8] Về vật chứng vụ án:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, mặt trước là màn hình cảm ứng, mặt sau bằng kim loại màu vàng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, số tiền 500.000 đồng mà bị cáo M bán điện thoại, bị cáo cho đưa Nguyễn I 200.000 đồng, bị cáo giữ lại và tiêu xài cá nhân hết 300.000 đồng. Xét thấy, số tiền này là nguồn thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo và Nguyễn I pN nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước là phù hợp pháp luật.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo sống bằng nghề làm thuê, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo pN chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn M (tên gọi khác: M W) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Buộc bị cáo Trần Văn M và Nguyễn I nộp lại số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Trong đó, bị cáo Trần Văn M nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), Nguyễn I nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn M pN chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/11/2023). Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. R;
- Nhà tạm giữ Công an TP. R;
- Cơ quan điều tra Công an TP. R;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thống